

BỘ ĐỀ THI GIỮA KỲ 2 MÔN TOÁN LỚP 1

ĐỀ SỐ 1

Họ và tên..... **BÀI THI GIỮA KÌ II – Năm học 2019- 2020**

Lớp 1.....

MÔN: TOÁN - LỚP 1

Thời gian làm bài: 40 phút (Không kể thời gian chép đề)

Bài 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm (1đ)

20;.....;.....; 23;.....;.....;.....;.....; 28;.....;.....;
31;.....;.....;.....;35;.....;.....;.....;.....;.....; 42

Bài 2: Viết số (theo mẫu) (1 đ)

a) Hai mươi lăm: 25

Năm mươi:.....

Ba mươi hai :....

Sáu mươi sáu:.....

b) 49: bốn chín

55.....

21.....

73.....

Bài 3: Đặt tính rồi tính (2đ)

$$20 + 30$$

$$40 + 50$$

$$80 - 40$$

$$17 - 5$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Tính (2đ)

$$20 + 50 =$$

$$10 + 20 + 30 =$$

$$40 \text{ cm} + 40 \text{ cm} =$$

$$70 - 30 =$$

$$90 - 30 + 20 =$$

$$80 \text{ cm} - 60 \text{ cm} =$$

Bài 5: Điền dấu >, <, = ? (2đ)

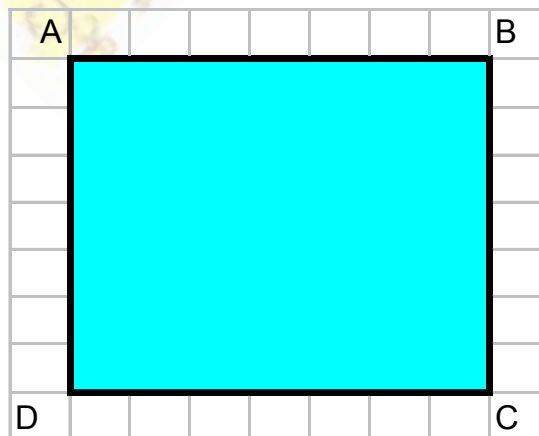
$$80 \dots 60$$

$$50 - 20 \dots 30$$

$$70 - 20 \dots 40$$

$$60 \dots 30 + 20$$

Bài 6: Vẽ 3 điểm ở trong hình vuông, vẽ 2 điểm ở ngoài hình vuông. (0,5đ)



Bài 7: Tổ Một làm được 20 lá cờ, tổ Hai làm được 10 lá cờ. Hỏi cả hai tổ làm được tất cả bao nhiêu lá cờ? (1,5đ)

ĐỀ SỐ 2

Họ và tên:.....

Lớp.... Trường Tiểu học Vạn Phúc

BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
Năm học 2019- 2020

Môn Toán lớp 1

Thời gian làm bài 40 phút

3 điểm

Điểm:

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

- a) ☐ Số liền trước số 13 là 12
- b) ☐ Số liền sau số 21 là 20
- c) ☐ 87 gồm có 8 chục và 7 đơn vị
- d) ☐ $16 < 10 + 5$
- e) ☐ Số 25 đọc là “Hai mươi lăm”
- g) ☐ $23 \text{ cm} + 12 \text{ cm} = 35 \text{ cm}$

Bài 2. Đặt tính rồi tính

2 điểm

$$24 + 15$$
 $10 + 9$

12-2

90 - 40

[illegible]

Bài 3. Tính nhẩm

1,5 điểm

$$11 + 3 - 4 = \dots\dots\dots$$

$$15 - 2 + 3 = \dots\dots\dots$$

$$17 - 5 - 1 = \dots\dots\dots$$

$$19 - 6 + 6 = \dots\dots\dots$$

$$30 \text{ cm} - 20 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$

$$12 \text{ cm} + 6 \text{ cm} = \dots\dots\dots$$



Bài 4. Hồng có 16 que tính, Hồng được bạn cho thêm 2 que tính. Hỏi Hồng có bao nhiêu que tính? 1,5 điểm

[illegible]

Bài 5. Hãy vẽ một đoạn thẳng dài 4 cm rồi đặt tên cho đoạn thẳng đó. 1 điểm

Bài 6. Hãy viết một số có hai chữ số sao cho chữ số hàng chục lớn hơn chữ số hàng đơn vị là 9. 1 điểm

ĐỀ SỐ 3

Trường tiểu học Trung Hải

Họ và tên:.....

Lớp: 1.....

Điểm

Kiểm tra giữa kỳ II

Môn: Toán

Thời gian:

Lời phê của giáo viên

Bài 1: Tính:

a.
$$\begin{array}{r} 40 \\ + \\ \hline 30 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80 \\ - \\ \hline 40 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ - \\ \hline 6 \end{array}$$

b. $13 + 2 - 3 =$

$30 + 20 - 10 =$

Bài 2: Đa số

+ 19:

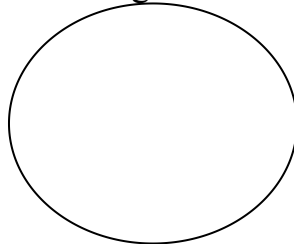
+ Mười một:

+ 70:

+ Mười chín:

Bài 3: Vẽ hai điểm ở trong đường tròn.

Vẽ ba điểm ở ngoài đường tròn



Bài 4: Điền dấu thích hợp (< , > , =) vào ô trống ☒

$20 - 20$ ☒ 10

$18\text{cm} - 2\text{cm}$ ☒ 15cm

$13 + 6$ ☒ 19

$10\text{cm} + 20\text{cm}$ ☒ 40cm

Bài 5: Trong vườn nhà Nam trồng 20 cây bưởi và 30 cây cam. Hỏi trong vườn nhà Nam trồng được tất cả bao nhiêu cây?

Bài 6: Điền +, - ?

$$50 \dots\dots 20 = 30$$

$$30 \dots\dots 10 = 40$$

Kiểm tra môn toán lớp 1

Họ và tênlớp 1

Bài 1 : Tính nhẩm :

$$17\text{cm} + 2\text{cm} = \dots$$

$$6 + 12 - 5 = \dots$$

$$12 + 4 - 5 = \dots$$

$$17 - 3 - 2 = \dots$$

$$15 - 5 + 8 = \dots$$

$$13 + 5 - 7 = \dots$$

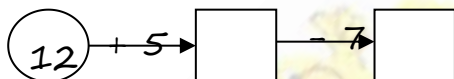
$$18 - 4 - 3 = \dots$$

$$12 + 4 + 3 = \dots$$

Bài 2 Nói theo mẫu :

$13 +$	17	$16 -$
$19 -$	18	$17 -$
$13 +$	12	$15 +$
	19	
	14	

Bài 3 Điền vào ô trống



Bài 4: Lan có 30 nhãn vở, mẹ mua thêm cho Lan thêm 2 chục nhãn vở nữa Hỏi Lan có tất cả bao nhiêu nhãn vở?

Tóm tắt

Giải

.....

.....

....

.....

.....

.....

Bài 6: Điền số thích hợp vào ô trống



$12 + 3 = 19 - \square$

$5 - 4 > \square - 8$

$15 - 3 = \square + 10$

$13 \square < 17 - 4$

ĐỀ SỐ 4

**PHÒNG GD & ĐT VIỆT TRÌ
TRƯỜNG TH THANH ĐÌNH**

**BÀI KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GK II
MÔN: TOÁN - LỚP 1**

Năm học 2019- 2020

Thời gian: 30 phút (không kể thời gian giao
đề)

Họ và tên học sinh: Lớp:

Giám thị: Giám khảo:

Điểm:

Bằng số:

Bằng chữ:

A. Phần Trắc nghiệm khách quan:

Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Câu 1: Số 12 gồm mấy chục và mấy đơn vị:

A. 1 chục và 2 đơn vị

C. 1 và 2

B. 2 chục và 1 đơn vị

D. 2 và 1

Câu 2: $14 \text{ cm} + 5 \text{ cm} = ?$

A. 18 cm

B. 19 cm

C. 19

D. 18

Câu 3: Dưới ao có 5 con vịt, trên bờ có 3 con vịt. Hỏi tất cả có mấy con vịt?

A. 2 con

B. 6 con

C. 8 con

D. 9 con

Câu 4: Số liền sau của số 14 là số nào?

A. 16

B. 12

C. 15

D. 13

Câu 5: Trong các số : 70, 40, 20, 50, 30, số bé nhất là :

A, 70

B, 40

C, 30

D, 20

Câu 6: $10 - 4 - 3 = ?$

A. 6

B. 2

C. 3

D. 5



Câu 7: $6 + 2 - 5 = ?$

A. 3

B. 8

C. 10

D. 4

Câu 8: $10 = 6 +$

A. 7

B. 6

C. 5

D. 4

Câu 9: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm? $16 - 4 11$

A. >

B. <

C. =

Câu 10: Lan hái được 20 bông hoa, Mai hái được 10 bông hoa. Hỏi cả hai bạn hái được bao nhiêu bông hoa ?

A, 20 bông

B, 30 bông

C, 40 bông

D, 10 bông

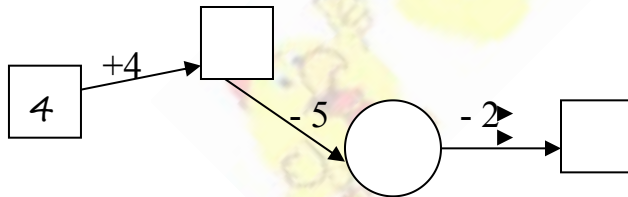
II. Phần II: Tự luận (5đ).

Câu 1(1đ): Tính:

$$7 + 1 + 2 =$$

$$8 + 2 - 5 =$$

Câu 2(1,5đ): Số ?



Câu 3(): Xếp các số sau đây theo thứ tự từ lớn đến bé: 9, 10, 7, 14, 12.

.....

CÂU 4 : Lớp 1A vẽ được 20 bức tranh , lớp 1B vẽ được 30 bức tranh . Hỏi cả 2 lớp vẽ được bao nhiêu bức tranh ?

Bài giải



.....
.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 5

Bài kiểm tra chất lượng Giữa kì II
Môn: Toán – lớp 1
(Thời gian làm bài 40 phút không kể thời gian
giao đề)

Họ và tên Lớp 1.....

Điểm:	Giáo viên coi:	Giáo viên chấm:
	1)	1)
	2)	2)

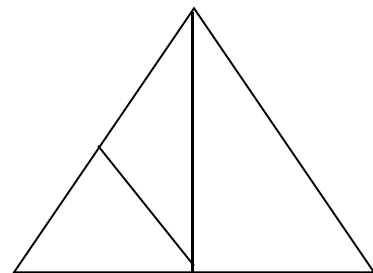
Phần 1: Trắc nghiệm (3 điểm)

Bài 1: Đúng ghi đ, sai ghi S vào ô trống:

- a) Số 60 gồm 6 chục và 0 đơn vị.
b) Số 74 gồm 4 chục và 7 đơn vị.
c) Số liền trước của 19 là 20.
d) Số liền sau của 19 là 20.
e) $19\text{ cm} - 7\text{ cm} = 12\text{ cm}$.
f) $10\text{ cm} + 8\text{ cm} = 9\text{ cm}$.

☐
☐
☐
☐
☐
☐

- g) Hình bên có 5 hình tam giác.
h) Hình bên có 4 hình tam giác.

☐
☐

Bài 2: Khoanh vào số bé nhất:

a) 76, 28, 90, 50

b) 46, 99, 70, 31

Bài 3: Khoanh vào số lớn nhất:

a) 54, 39, 40, 72

b) 88, 60, 59, 77

phần II: tự luận (7 điểm)

Bài 1: a) Tính: (1 đ)

$$12 + 6 = \dots\dots$$

$$40 + 30 - 60 = \dots\dots$$

$$18 - 4 = \dots\dots$$

$$90 - 60 + 20 = \dots\dots$$

b) Đặt tính rồi tính: (1đ)

$$13 + 6$$

$$17 - 7$$

$$50 + 20$$

$$90 - 70$$

Bài 2: (1 đ) Viết các số : 34 , 27 , 92 , 50.

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 3: (1 đ) Điền dấu <, >, = vào chỗ chấm:

66 ... 71

58 ... 57

49 ... 59

99 ... 99

Bài 4: (1 đ) Viết các số :

Hai mươi bảy:

Bảy mươi lăm :

Một trăm:

Chín mươi chín:

Bài 5: Hoa có 30 cái nhãn vở, mẹ mua thêm cho Hoa 10 cái nhãn vở nữa. Hỏi Hoa có tất cả bao nhiêu nhãn vở?

(Điền số vào tóm tắt rồi giải bài toán)

Tóm tắt

Có : nhãn vở

Thêm: nhãn vở

Có tất cả: nhãn vở?



.....

Bài 6: (1điểm)

Tâm có 15 quả bóng , Nam có ít hơn Tâm 4 quả bóng . Hỏi Nam có bao nhiêu quả bóng ?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 7: Số ? (1 điểm)

	+		=	50
--	---	--	---	----

	-		=	10
--	---	--	---	----

ĐỀ SỐ 7

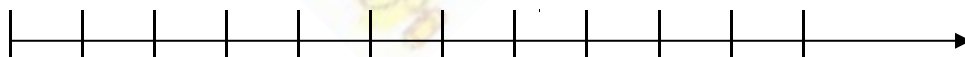
Trường.....
Lớp.....
Họ và tên.....

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
Năm học 2019- 2020
Môn : Toán khối 1

<u>Điểm</u>	<u>Lời phê của giáo viên</u>	Người coi KT..... Người chấm KT.....
-------------	------------------------------	---

Bài 1: (1,5 điểm)

a. Điền số vào dưới mỗi vạch của tia số (1điểm)



10.....20.....

b. Đọc số, viết số

Mười chín:; 50:

Bài 2: Đặt tính rồi tính (1 điểm)

$18 - 3$

$13 + 6$

$19 - 4$

$12 + 5$

.....
.....
.....

Bài 3: Đúng ghi Đ sai ghi S (1 điểm)

a. $70 \text{ cm} - 30 \text{ cm} = 40 \text{ cm}$

c. $70 < 60$



b. $70 \text{ cm} - 30 \text{ cm} = 40$

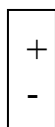
d. $30 + 40 > 50$

Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ trống : (1 điểm)

a. Số liền trước của 73 là.....

b. Số liền sau của 20 là.....

Bài 5: (2điểm)



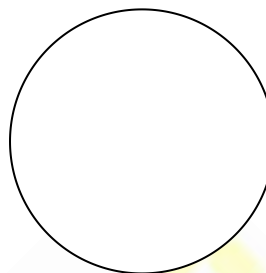
40 10 = 30

70 0 = 70

50 30 = 80

90 40 = 50

Bài 6: Vẽ 3 điểm ở trong hình tròn (1,5 điểm)
Vẽ 3 điểm ở ngoài hình tròn



Bài 7: Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tóm tắt
Có : 15 cây hoa
Trồng thêm: 4 cây
Có tất cả:cây hoa?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 8: Một cửa hàng có 30 xe máy, đã bán 10 xe máy. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu xe máy (1 điểm)

Bài giải

.....
.....
.....

ĐỀ SỐ 8

Trường:.....
Họ và tên:.....
Lớp:.....

ĐỀ THI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN : TOÁN -KHỐI I
Năm học 2019- 2020

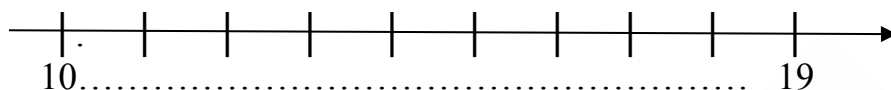
Thời gian: 60 phút



<u>Điểm</u>	<u>Lời phê giáo viên</u>	Người coi KT:..... Người chấm KT:.....
-------------	--------------------------	---

Bài 1 (2 điểm)

a. Điền số vào dưới mỗi vạch của tia số



b. Viết các số

Mười bốn

Mười tám

Ba mươi

Bảy mươi

Chín mươi

Sáu mươi

Mười chín

Mười hai

c. Viết các số : 9, 5, 14, 17

+ Theo thứ tự từ bé đến lớn

+ Theo thứ tự từ lớn đến bé

Bài 2: Tính : (2 điểm)

a.

$$\begin{array}{r}
 90 \\
 - 50 \\
 \hline
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 40 \\
 + 40 \\
 \hline
 \end{array}$$

.....

b.

$$\begin{array}{r}
 17 \\
 - 5 \\
 \hline
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 16 \\
 - 6 \\
 \hline
 \end{array}$$

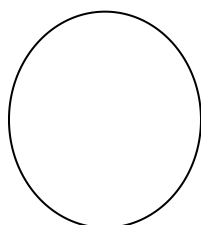
.....

c. $12\text{cm} + 5\text{cm} =$

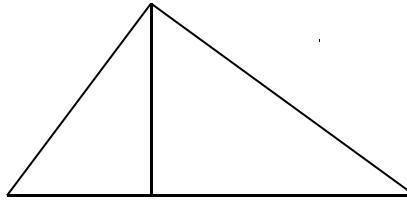
d. $16 + 3 - 5 =$

Bài 3 : (2 điểm)

a. Vẽ 2 điểm trong hình tròn và 3 điểm ngoài hình tròn



- b. Ở hình vẽ bên có :
 a/ 2 hình tam giác
 b/ 3 hình tam giác



Bài 4 : Viết tiếp vào bài giải (2điểm)

- a. Thùng thứ nhất đựng 30 gói bánh . Thùng thứ hai đựng 20 gói bánh .
 Hỏi cả hai thùng đựng bao nhiêu gói bánh ?

Bài giải

Số gói bánh cả hai thùng có là

.....

ĐS:

- b. Trên tường có 14 bức tranh , người ta treo thêm 4 bức tranh nữa . Hỏi trên tường có tất cả bao nhiêu bức tranh?

Bài giải

.....

.....

ĐS:

Bài 5 : Điền dấu (<, >, =) vào ô trống (1 điểm)

$$14 - 4 \square 13$$

$$12 \square 14 - 2$$

$$15 - 5 \square 15 - 4$$

Bài 6 : Số ? (1 điểm)

	+		=	13
--	---	--	---	----

	-		=	5
--	---	--	---	---

ĐỀ SỐ 9

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I MÔN TOÁN KHỐI 1

Năm học 2019- 2020

Thời gian: 60 phút

Điểm	Lời phê của giáo viên	Người coi KT
------	-----------------------	--------------------



		Người chấm KT
--	--	---------------------

Bài 1: (3 điểm)

a) Điền số vào chỗ chấm: (1 điểm)

20;; 40;; 60;; 80;

b) Viết các số vào chỗ chấm: (1 điểm)

Mười bốn:

Mười chín:

Chín mươi:

Ba mươi:

c) Khoanh tròn vào số lớn nhất: (0,5 điểm)

10 ; 7 ; 14 ; 9 ; 5.

d) Khoanh tròn vào số bé nhất: (0,5 điểm)

8 ; 20 ; 17 ; 5 ; 19 .

Bài 2: Tính (2 điểm)

a)
$$\begin{array}{r} 14 \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

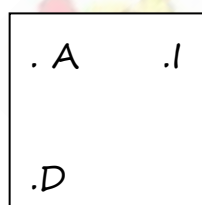
$18 - 8 =$

$12 + 7 =$

b) $12 + 5 - 4 =$

$19\text{cm} - 7\text{cm} + 4\text{cm} =$

Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S (1 điểm)



Điểm A ở trong hình vuông ☐

Điểm B ở ngoài hình vuông ☐

Điểm C ở trong hình vuông ☐

Điểm D ở ngoài hình vuông ☐

Điểm I ở trong hình vuông ☐

Bài 4: (2 điểm)

Một hộp bút có 12 bút xanh và 3 bút đỏ. Hỏi hộp đó có tất cả bao nhiêu cây bút ?

Bài giải

.....

Bài 5: Vẽ đoạn thẳng AB dài 7cm. (1điểm)

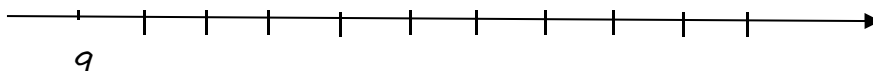
.....

.....

.....

Bài 6: (1điểm)

a) Điền số thích hợp vào dưới mỗi vạch của tia số.



b) Điền số và phép tính vào ô trống để được phép tính đúng.

			=	50
--	--	--	---	----

ĐỀ SỐ 10



Thứ ngày tháng năm 2010

kiểm tra định kì lần 3

Môn : Toán - lớp 1

Thời gian làm bài : 40 phút

Bài thi lại

Họ và tên : Điểm Lời phê của thầy cô giáo

Bài 1. (2 điểm)

a) Viết theo mẫu :

viết số	đọc số
20	hai mươi
50	
80	

đọc số	viết số
Sáu mươi	60
Chín mươi	
Sáu chục	

b) Điền dấu < ; > ; = vào chỗ chấm :

$$25 - 5 \dots\dots 10 + 10$$

$$90 - 30 \dots\dots 10 + 30$$

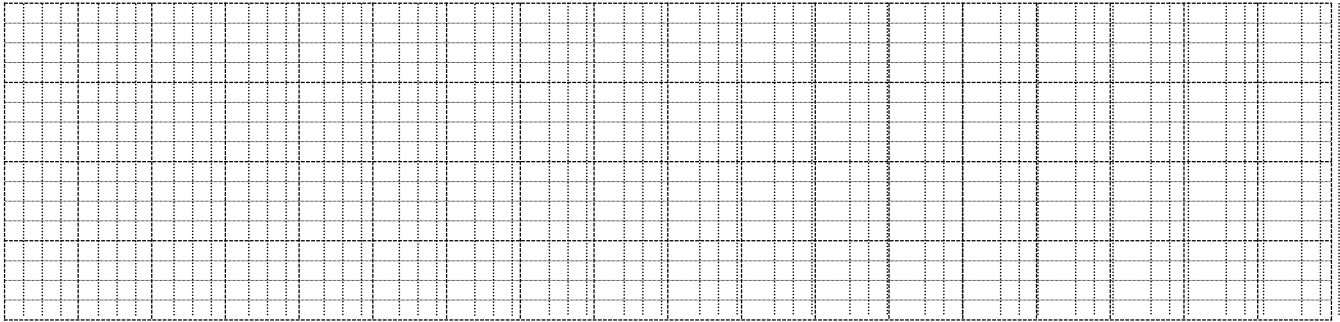
Bài 2. (2 điểm) Đặt tính rồi tính :

$80 - 30$

$20 + 30$

$14 + 3$

$19 - 6$



Bài 3. (2 điểm) Tính :

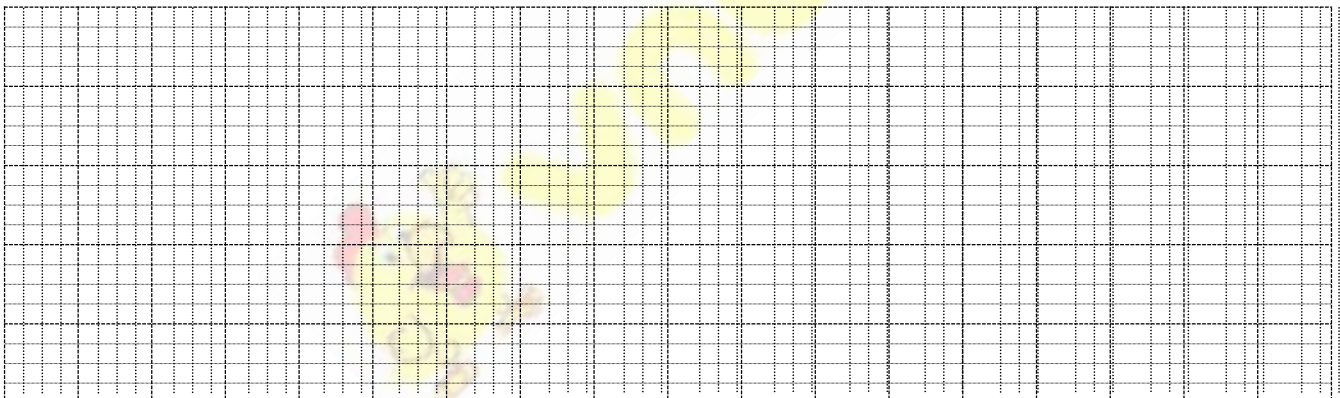
$80 - 40 + 30 = \dots\dots\dots$

$60 \text{ cm} - 30 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$50 + 30 - 20 = \dots\dots\dots$

$30 \text{ con cá} - 20 \text{ con cá} = \dots\dots\dots$

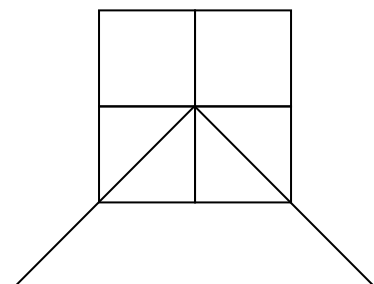
Bài 4. (1,5 điểm) Lan gấp được một chục chiếc thuyền, Hùng gấp được 30 cái. Hỏi cả hai bạn gấp được bao nhiêu chiếc thuyền ?



Bài 5. (1 điểm) Hình vẽ bên có :

a) Có hình tam giác

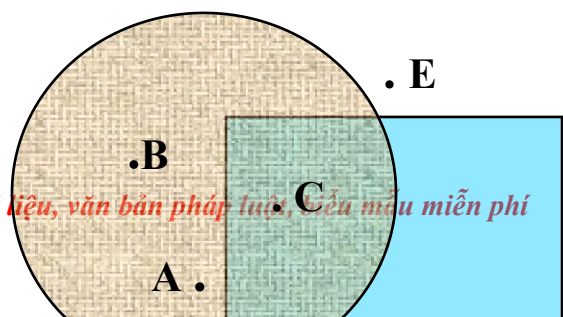
b) Cóvuông



Bài 6 (1,5 điểm)

a) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống

☐ Điểm C nằm trong hình vuông.



- ☐ Điểm B nằm ngoài hình vuông.
- ☐ Điểm A nằm trong hình tròn.
- ☐ Điểm C nằm ngoài hình vuông.

b) Điền vào chỗ chấm :

Điểm nằm trong hình tròn là :

Điểm nằm trong hình vuông là :

ĐỀ SỐ 11

Điểm

9- 2020

phiếu kiểm tra định kì lần 3

Môn: Toán - Lớp 1

Thời gian làm bài: 40 phút

Họ và tên Lớp:

1Trường:

Câu 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

A. Số liền trước của 18 là 19

B. Số liền trước của 18 là 17

Câu 2. Đúng ghi Đ sai ghi S :

a) Số 76 gồm 7 và 6 ☐

c) Số 76 gồm 7 chục và 6 đơn vị ☐

b) Số 76 gồm 70 chục và 6 ☐

d) Số 76 là số có hai chữ số ☐



Câu 3. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

a) Số 52 bé hơn số : A. 25 B. 62 C. 42

b) Số 76 lớn hơn số : A. 87 B. 92 C. 67

Câu 4. Điền dấu (> ; < ; =) thích hợp vào chỗ chấm :

20 + 30 60

70 + 10 10 + 70

80 - 10 69

45 50 - 40

Câu 5. Đặt tính rồi tính :

14 + 5

18 - 7

90 - 50

20 + 40

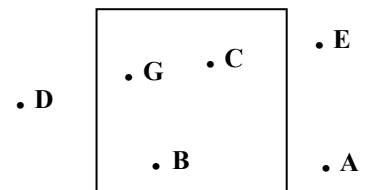
Câu 6. Hà có 1 chục nhãn vở, mẹ mua cho Hà thêm 20 nhãn vở nữa. Hỏi Hà có tất cả bao nhiêu nhãn vở ?

Bài giải:

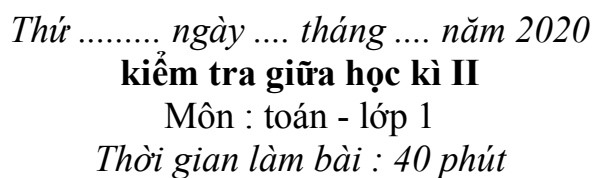
Câu 7. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp :

a) Các điểm ở trong hình vuông

b) Các điểm ở ngoài hình vuông



ĐỀ SỐ 12



	Điểm	Lời phê của thầy cô giáo
<i>Giám thị :</i> <i>Giám khảo :</i>		

- Số liền trước của 10 là
- Số liền trước của 19 là
- Số liền sau của 14 là
- Số liền sau của 19 là
- Số 13 gồmchục.....đơn vị.
- Số 56 gồmchục.....đơn vị.
- Số 40 gồmchục.....đơn vị.

$12 + 1 + 5 = \dots\dots\dots$
 $18\text{cm} - 2\text{cm} + 3\text{cm} = \dots\dots\dots$

$17 - 3 + 5 = \dots\dots\dots$
 $15\text{cm} + 0\text{cm} = \dots\dots\dots$

 $15 + 3$ $12 + 4$ $18 - 5$ $19 - 7$ A large grid of graph paper, consisting of 20 columns and 10 rows of small squares. A dashed horizontal line runs across the middle of the grid, and a dashed vertical line runs down the middle, intersecting at the center. This layout is typical for a coordinate plane or a graphing area.
$$\begin{array}{ll} 30 \dots 50 = 80 & 60 \dots 20 = 40 \\ 50 \dots 20 = 30 & 60 \dots 30 = 90 \end{array}$$


Bài 5. (1,5điểm) Có 40 con gà mái và một chục con gà trống. Hỏi có tất cả bao nhiêu con gà ?

Bài giải

[illegible]

Bài 6. (1điểm)

a) Vẽ đoạn thẳng có độ dài 9 cm.

.....

b) Các số : 16, 30, 48, 29 được xếp theo thứ tự từ lớn đến bé

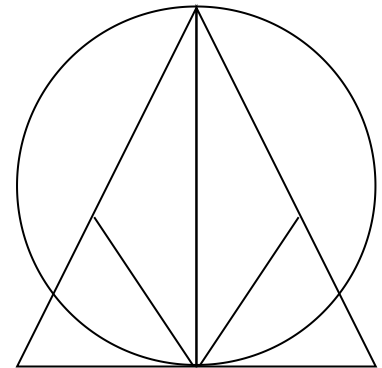
là :

Bài 7. (1điểm)

a) Hình vẽ bên có hình tam giác

b) Vẽ một điểm A nằm trong hình tròn và nằm ngoài hình tam giác.

c) Vẽ một điểm B nằm trong cả hình tròn và hình tam giác.



ĐỀ SỐ 13

TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚC SƠN
Họ Và Tên:.....
Lớp 1.....

Thứ ngày tháng 3 năm 2020

Kiểm tra định kỳ Giữa HKII

Môn: Toán

Thời gian: 40 phút

Điểm	Lời phê của thầy cô giáo
	
	



	
--	-------

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN:

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng cho mỗi câu hỏi dưới đây:

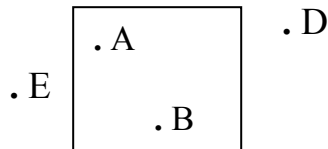
Câu 1:

a. Có mấy điểm ở trong hình vuông ?

A. 2

B. 3

C. 4

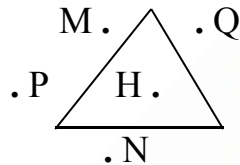


b. Có mấy điểm ở ngoài hình tam giác ?

A. 3

B. 4

C. 5



Câu 2: Trong phép tính sau, phép tính nào đúng ?

a, A. $40\text{cm} - 10\text{cm} = 30$

B. $40\text{cm} - 10\text{cm} = 30\text{cm}$

C. $40\text{cm} - 10\text{cm} = 20\text{ cm}$

b, A. $40 - 30 = 20$

B. $30 + 40 = 80$

C. $40 + 30 = 70$

Câu 3: Kết quả của phép tính đúng là ?

a, $90 - 50 = \dots$

A. 30

B. 40

C. 50

b, $30 + 20 = \dots$

A. 50

B. 60

C. 70

II. TRẮC NGHIỆM TỰ LUẬN:



Câu 1: Tính:

a.

20	70	80
+	-	-
<u>40</u>	<u>30</u>	<u>40</u>
.....		

b. $60 - 10 - 20 = \dots$

c. $80 + 10 - 20 = \dots$

Câu 2: Điền dấu +, - vào chỗ chấm :

$$60 \dots 10 = 50$$

$$40 \dots 30 = 70$$

Câu 3: $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$? $60 - 10 \dots 20$ $30 \dots 20 + 20$ $50 \dots 50$

Câu 4: Tổ một trồng được 20 cây , tổ hai trồng được 10 cây . Hỏi cả hai tổ trồng được bao nhiêu cây ?

Bài giải

Cả hai tổ trồng được là :

A large grid of graph paper with a faint, colorful, abstract pattern in the upper left corner. The pattern consists of various colored shapes, including a prominent yellow circle, a red circle, and several smaller blue and green shapes, all overlapping and blending into each other. The rest of the grid is empty and white.

Tham khảo thêm: <https://vndoc.com/de-thi-hoc-ki-2-lop-1>